

*Bài 48*

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ — XÃ HỘI  
Ở BẮC TRUNG BỘ

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

**1. Về kiến thức**

– Hiểu được Bắc Trung Bộ là vùng lãnh thổ tương đối giàu tài nguyên thiên nhiên, có khả năng phát triển nền kinh tế nhiều ngành, nhưng đây là vùng gặp nhiều khó khăn do thiên tai và hậu quả nặng nề của chiến tranh.

– Hiểu được thực trạng và triển vọng phát triển cơ cấu kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp, sự phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng của vùng.

– Hiểu được trong những năm tới, với sự phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng, với sự khai thác tốt hơn kinh tế biển, hình thành nền kinh tế mở, kinh tế của Bắc Trung Bộ sẽ có bước phát triển đột phá.

## **2. Về kĩ năng**

– Đọc lát cắt.

– Phân tích các bản đồ tự nhiên, kinh tế, đọc Atlas Địa lí Việt Nam.

## **II – PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

– Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

– Bản đồ Kinh tế vùng Bắc Trung Bộ.

– Một số hình ảnh, băng, đĩa hình về tình hình phát triển kinh tế – xã hội ở Bắc Trung Bộ.

– Lát cắt (phóng to theo hình 48.1 SGK).

## **III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý**

**1.** Trong Mục 1 - Khái quát chung, nêu tóm tắt các đặc điểm thế mạnh và hạn chế của Bắc Trung Bộ, cả về tự nhiên và kinh tế – xã hội.

**2.** Khi giảng về vấn đề hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ, có 2 câu hỏi cần làm rõ :

– Tại sao phải đặt vấn đề hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ?

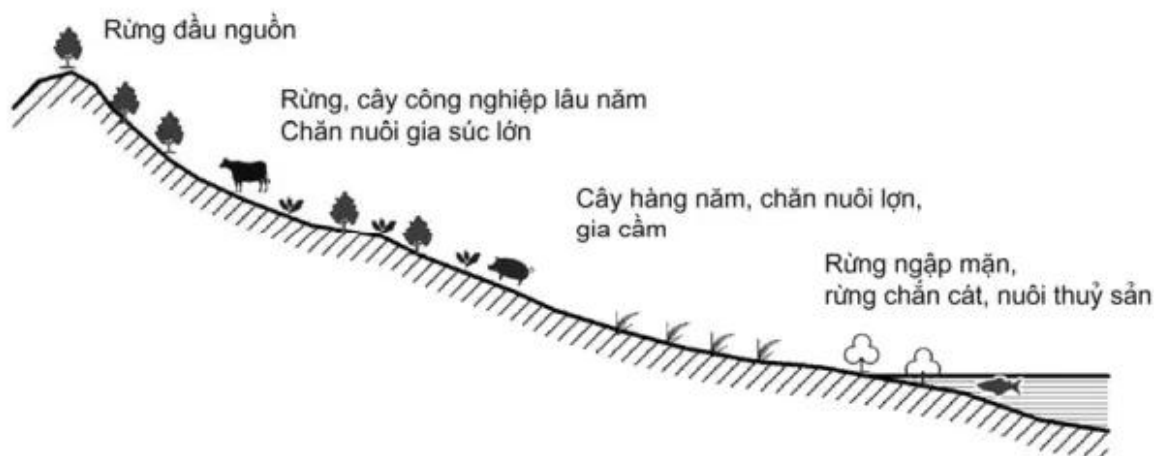
– Cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp của vùng đang hình thành như thế nào ?

Trong SGK đã nêu lên 2 ý :

– Góp phần tạo cơ cấu ngành và tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian. (HS có thể thấy rõ hơn ý này khi đọc sơ đồ lát cắt ở hình dưới đây).

– Trong điều kiện mới, công nghiệp hoá phải dựa vào các nguồn lực hiện có, thì điều này càng quan trọng,

Ở đây cần thấy thêm những đặc điểm riêng của vùng :



Sơ đồ lát cắt từ Tây sang Đông thể hiện cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp của vùng.

– Đây là vùng lãnh thổ dài và hẹp ngang. Ở hàng loạt các huyện, trên một bề ngang chỉ vài chục km theo chiều Đông – Tây ta đã đi từ vùng bờ biển qua vùng đồng bằng hẹp duyên hải, vượt qua vùng đồi chuyển tiếp nhỏ hẹp và tới vùng núi thực sự ở phía tây. Dọc theo lát cắt ngang của lãnh thổ như thế, chúng ta có thể chứng kiến những thay đổi của mô hình kết hợp nông – ngư nghiệp hay nông – lâm – ngư nghiệp từ vùng ven biển, đồng bằng tới mô hình kết hợp nông – lâm nghiệp ở vùng trung du, miền núi.

– Việc phát triển lâm nghiệp vừa cho phép khai thác thế mạnh về tài nguyên rừng (khai thác rừng), vừa cho phép bảo vệ tài nguyên đất, điều hoà chế độ nước (nhờ trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng) của các sông miền Trung ngắn và dốc, vốn có thủy chế rất thất thường.

– Việc phát triển các mô hình nông – lâm kết hợp ở vùng trung du không những giúp sử dụng hợp lí tài nguyên, mà còn tạo ra thu nhập cho nhân dân, phát triển các cơ sở kinh tế ở vùng trung du.

– Việc phát triển rừng ngập mặn, rừng chắn gió, chắn cát vừa tạo điều kiện bảo vệ bờ biển, ngăn chặn nạn cát bay, cát chảy, vừa tạo môi trường cho các loài thủy sinh và nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn.

### 3. Một số thông tin về tài nguyên rừng của Bắc Trung Bộ.

Một tỉ lệ rất lớn rừng của Bắc Trung Bộ là rừng đầu nguồn và rừng đặc dụng. Ở đây có những vườn quốc gia rất nổi tiếng như Bến En (Thanh Hoá), Pù Mát (Nghệ An), Vũ Quang (Hà Tĩnh), Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), Bạch Mã (Thừa Thiên – Huế). GV nên tham khảo thông tin trên trang Web của Kiểm lâm Việt Nam tại địa chỉ <http://www.kiemlam.org.vn/>

CƠ CẤU RỪNG PHÂN THEO CÔNG DỤNG CỦA BẮC TRUNG BỘ

(Đơn vị : %)

Cơ cấu	Năm 2006
<b>Tổng số</b>	<b>100,0</b>
Rừng phòng hộ	22,0
Rừng đặc dụng	32,7
Rừng sản xuất	45,3

(Theo Cục Kiểm lâm Việt Nam, tính đến 31/12/2006)

4. Tại sao việc hình thành cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng lại có ý nghĩa cấp bách ? Vấn đề này đang được giải quyết như thế nào ?

MỘT SỐ CHỈ SỐ VỀ CÔNG NGHIỆP CỦA BẮC TRUNG BỘ (GIÁ SO SÁNH 1994)

Năm	Giá trị sản xuất công nghiệp		Giá trị sản xuất công nghiệp có đầu tư nước ngoài		
	Tỉ trọng của vùng trong cả nước (%)	Tăng trưởng (năm 1995 = 100%)	Tỉ trọng của vùng trong cả nước (%)	Tăng trưởng (năm 1995 = 100%)	Tỉ trọng trong cơ cấu công nghiệp của vùng (%)
1995	3,58	100,00	0,6	100,0	3,9
1996	3,38	107,58	0,6	127,1	4,6
1997	3,27	118,79	0,7	186,1	6,1
1998	3,21	130,96	0,9	308,5	9,2
1999	3,13	142,41	1,0	405,3	11,1
2000	3,61	193,20	2,0	962,0	19,4
2001	3,67	225,44	2,8	1581,9	27,4
2002	3,79	266,74	2,9	1880,4	27,5
2003	3,90	321,6	3,0	2298,8	27,9
2004	3,8	362,0	2,8	2518,4	30,6
2005	3,7	413,0	2,4	2630,2	31,9

Nguồn : Tính toán từ Niên giám thống kê 2003, 2006.

Qua bảng số liệu có thể thấy :

– Bắc Trung Bộ có tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu công nghiệp cả nước, nhưng từ khoảng năm 2000 trở lại đây, tỉ trọng này tăng lên, nhờ tốc độ phát triển công nghiệp mấy năm gần đây khá cao.

– Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng nhảy vọt, phát huy tác dụng tích cực đối với sự phát triển công nghiệp của vùng và chiếm tỉ trọng đáng kể trong cơ cấu công nghiệp của vùng.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong quy hoạch phát triển vùng Bắc Trung Bộ, trước hết là ưu tiên phát triển không gian hành lang quốc lộ 1 và ven biển với mô hình : cảng biển – công nghiệp – thương mại, du lịch, dịch vụ – đô thị.

Có các khu công nghiệp và cụm công nghiệp : Bỉm Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Mai, Cửa Lò, Cầu Cẩm, Vinh, Cửa Hội, Nghi Xuân, Thạch Khê, Vũng Áng, Cửa Gianh, Thanh Hoá, Đông Hới, Nam Long Đại, Cửa Việt, Đông Hà, Thuận An – Huế – Phú Bài, Chân Mây.

Các khu du lịch : Sầm Sơn, Cửa Lò, Xuân Hải, Thiên Cầm, Thuận An, Nhật Lệ, Cảnh Dương, Lăng Cô, Bạch Mã...

Các đô thị hạt nhân : Thanh Hoá, Vinh, Hà Tĩnh, Đông Hới, Đông Hà và Huế.

Các ngành công nghiệp chủ yếu là khai khoáng, vật liệu xây dựng, cơ khí, luyện kim, chế biến nông – lâm – hải – sản và có thể có lọc hoá dầu.

Hình thành các trục phát triển kinh tế – xã hội :

– Trục kinh tế bám theo hành lang chiến lược quốc gia đường 1 và ven biển.

– Trục kinh tế quốc phòng đường 15.

– Trục kinh tế hành lang đường 7, 8, 9, 29.

– Các trục công nghiệp đô thị – du lịch : Thanh Hoá – Sầm Sơn, Vinh – Cửa Lò, Hà Tĩnh – Thiên Cầm – Vũng Áng, Huế – Chân Mây.

#### IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. GV cho HS xác định trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Bắc Trung Bộ. Nếu như toàn dải Duyên hải miền Trung là cầu nối giữa hai cực phát triển của đất nước là Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, thì Bắc Trung Bộ kể liền Đồng bằng sông Hồng, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Đồng bằng sông Hồng trong quá trình phát triển. GV cho HS thấy

Bắc Trung Bộ có điều kiện thuận lợi nhất định để phát triển nền kinh tế mở, với một số cảng biển và các tuyến đường bộ chạy theo hướng Đông – Tây mở mối giao lưu với Lào và Đông Bắc Thái Lan.

Tuy nhiên, Bắc Trung Bộ là vùng chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai như bão,...

2. Khi giảng về Hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp của vùng, GV nên sử dụng lát cắt Hình 48.1 trong SGK. Từ đó giúp HS trả lời câu hỏi trong SGK về ý nghĩa kinh tế và sinh thái của việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ.

GV cần lưu ý cho HS thấy : hiện nay, việc chế biến gỗ và lâm sản, tận thu gỗ cành, ngọn, còn hạn chế, nên tài nguyên rừng còn bị lãng phí. GV có thể gợi ý, dẫn dắt để HS tự rút ra phương hướng phát triển đối với ngành lâm nghiệp và công nghiệp chế biến lâm sản ở đây : khai thác hợp lí, có kế hoạch, kết hợp đẩy mạnh khoanh nuôi rừng tự nhiên và trồng rừng, phát triển mô hình nông – lâm kết hợp, đẩy mạnh khâu chế biến gỗ và lâm sản, tận thu gỗ cành, ngọn...

3. Giảng mục 3 về Hình thành cơ cấu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải, GV cho HS đọc bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam hoặc bản đồ Kinh tế Bắc Trung Bộ để xác định :

- Các nguồn tài nguyên để phát triển công nghiệp.
- Các tuyến đường bộ, đường sắt, cảng biển, sân bay...
- Các trung tâm công nghiệp chủ yếu của vùng.

HS cần trả lời được các câu hỏi : 1/ Việc tăng cường cơ sở năng lượng của vùng có ý nghĩa như thế nào và vấn đề này cần được giải quyết bằng cách nào ? 2/ Tương tự đối với vấn đề phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.

GV cho HS phân tích bảng số liệu : Một số chỉ tiêu về công nghiệp của Bắc Trung Bộ (SGV), cũng như các thông tin mới nhất về sự phát triển công nghiệp của vùng.

GV cũng cần lưu ý HS : việc hiện đại hoá và phát triển các tuyến giao thông Bắc – Nam (quốc lộ 1, đường sắt Thống Nhất, dự án đường Hồ Chí Minh), trong đó có hầm đường bộ qua Đèo Ngang, hầm đường bộ qua đèo Hải Vân, phát triển các tuyến đường ngang, đi đôi với việc mở các cảng biển và các cửa khẩu dọc biên giới, tạo thế mở cửa nền kinh tế và làm thay đổi quan trọng sự phân công lao động theo lãnh thổ.